

(Tiếp theo)

**THỂ NGUYỄN****TIỂU DẪN**

Một hôm, khi cả gia đình sang chơi bên ngoài, Kiều đã tìm gặp Kim Trọng. Chiều tà, nàng trở về nhà, được tin cả nhà vẫn chưa về, Kiều quay lại gặp Kim Trọng. Hai người đã làm lễ thề nguyện gắn bó trước vầng trăng sáng vàng vạc. Đoạn trích sau đây (từ câu 431 đến câu 452) kể về việc Kiều sang nhà Kim Trọng và làm lễ thề nguyện.

**VĂN BẢN**

Cửa ngoài vội rủ rèm the,  
Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình.  
Nhật thưa<sup>(1)</sup> gương<sup>(2)</sup> gọi đầu canh,  
Ngọn đèn trông lọt trướng huỳnh<sup>(3)</sup> hắt hiu.  
Sinh vừa tựa án<sup>(4)</sup> thiu thiu,  
Dở chiều như tỉnh dở chiều như mê.  
Tiếng sen<sup>(5)</sup> sê động giấc hoè<sup>(6)</sup>,  
Bóng trăng đã xế hoa lê<sup>(7)</sup> lại gần.

(1) *Nhật thưa* : (*nhật* : mau, dày) chỉ ánh trăng chiếu xuyên qua lá cây tạo thành những khoảng sáng không đều nhau, chỗ sáng nhiều chỗ sáng ít.

(2) *Gương* : ở đây chỉ mặt trăng.

(3) *Trướng huỳnh* : xưa có người nhà nghèo không có đèn để đọc sách, phải bắt đom đóm làm đèn học. Do đó, *trướng huỳnh* được dùng chỉ phòng học của nho sinh, đồng thời gợi ý hiếu học. Cả câu ở đây ý nói : nhìn từ bên ngoài vào thấy ánh sáng đèn từ phòng học của Kim Trọng lọt ra dịu dịu.

(4) *Án* : cái bàn học xưa.

(5) *Tiếng sen* : tiếng bước chân nhẹ nhàng của người đẹp.

(6) Xem chú thích (4) trong *Ngữ văn 10*, tập một, tr. 129.

(7) *Hoa lê* : hoa cây lê, ở đây chỉ người đẹp.

Bâng khuâng đỉnh Giáp non thần<sup>(1)</sup>.  
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng.  
Nàng rằng : “Khoảng vắng đêm trường,  
Vi hoa nên phải trở đường tìm hoa.  
Bây giờ rõ mặt đôi ta,  
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao ?”  
Vội mừng làm lễ rước vào,  
Đài sen<sup>(2)</sup> nối sáp lò đào<sup>(3)</sup> thêm hương.  
Tiên thẻ<sup>(4)</sup> cùng thảo một chương,  
Tóc mây<sup>(5)</sup> một món dao vàng<sup>(6)</sup> chia đôi.  
Vùng trăng vắng vặc giữa trời,  
Đỉnh ninh hai miệng một lời song song.  
Tóc tơ<sup>(7)</sup> căn vận tác lòng,  
Trăm năm tạc một chữ đồng<sup>(8)</sup> đến xương.

(Theo ĐÀO DUY ANH, Từ điển “Truyện Kiều”, Sdd)

## HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Nêu nhận xét về hàm nghĩa của các từ *vội, xăm xăm, bâng*.
2. Không gian thơ mộng và thiêng liêng của cuộc thể nguyện được Nguyễn Du tả như thế nào ?
3. Liên hệ với trích đoạn *Trao duyên* để chỉ ra tính chất lôgic nhất quán trong quan niệm về tình yêu của Kiều.

(1) *Đỉnh Giáp non thần* : bài *Phú Cao Đường* của Tống Ngọc kể rằng vua nước Sở chơi đất Cao Đường nằm mơ thấy một người đàn bà đẹp, hỏi ở đâu, người đó nói là thần nữ núi Vu Giáp. *Non thần* : thần núi ấy. Cả câu có nghĩa là Kim Trọng cảm thấy Kiều xuất hiện như là thần nữ của núi Vu Giáp.

(2) *Đài sen* : cái đài hình hoa sen để đặt cây nến.

(3) *Lò đào* : cái lò hương hình trái đào. Cả câu ý nói Kim Trọng đặt thêm nến sáp cho thêm sáng, thắp thêm hương cho thêm thơm.

(4) *Tiên thẻ* : (*tiên* : tờ giấy) tờ giấy viết lời thể.

(5) *Tóc mây* : tóc xanh như mây.

(6) *Dao vàng* : chỉ con dao quý, cũng có thể đây chỉ là phép tu từ thuận tuý khi tả con dao mà Kiều và Kim Trọng dùng để cắt tóc thể nguyện, giống như trường hợp *bút hoa, lệ hoa, thềm hoa*,...

(7) *Tóc tơ* : chỉ những điều chi li, tỉ mỉ.

(8) *Chữ đồng* : chữ đồng tâm, đồng lòng.